

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 28/2017/HS-ST

Ngày 26-9-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hạ.
2. Ông Phạm Thành Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Pong Đrang, Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn S** (tên gọi khác: **U**), sinh ngày 28/10/1982; tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trương N và bà Nguyễn Thị Đ, trú tại: Thôn Tân H, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không;

Tiền án: Có 02 tiền án.

- Bản án số 652/2001/HSPT ngày 09/11/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt bị cáo 13 năm tù về các tội: *Hiếp dâm, Trộm cắp tài sản, Cướp tài sản công dân*, đến tháng 4/2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

- Bản án số 70/2014/HSST ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, ngày 15/3/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Buôn Hồ - Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T;

Trú tại: Thôn Tân, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H;

Trú tại: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T.

Trú tại: Thôn 7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn S, Nguyễn Văn T và Trần Văn H là các đối tượng nghiện ma túy, vào sáng ngày 26/6/2017, S, T liên lạc với nhau qua điện thoại về việc sử dụng ma túy. Sau đó S từ nhà nghỉ T (thôn 7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đi ra ngoài mua xi lanh và nước lọc, trên đường về S gặp H, H hỏi S có ma túy thì cho H sử dụng với và được S đồng ý, trên đường đến nhà nghỉ T thì gặp T, sau khi nói chuyện S đưa tiền cho T đi mua thêm xi lanh và nước lọc còn S và H đi vào phòng số 207 của nhà nghỉ T đã được S thuê từ chiều 25/6/2017. Khi vào phòng, S lấy ra 01 gói thuốc Jet bên trong có ma túy và 02 xi lanh sau đó S và H cùng sử dụng ma túy. Sau đó T về đã lấy gói ma túy để trên bàn ra sử dụng. Sau đó S, T đi về còn H sang phòng 201 chơi với bạn, lúc ra đến cổng nhà nghỉ thì T đưa gói ma túy sử dụng chưa hết cho S cất giữ. T chờ S đi về nhà nhưng đi được khoảng 300 m thì quay trở lại nhà nghỉ T rồi S chạy vào phòng 201 ném gói thuốc có chứa ma túy về phía H nhưng bị Công an huyện Krông Búk bắt quả tang và thu giữ tang vật gồm 01 gói thuốc lá Jet, bên trong có chứa chất rắn màu trắng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ, niêm phong 01 gói thuốc Jet bên trong có 01 gói giấy bạc, bên trong gói giấy bạc có một cục chất rắn màu trắng.

Tại kết luận giám định số 395/GĐMT-PC54 ngày 28/6/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc được niêm phong gửi giám định có khối lượng 0,1038 gam. Chất rắn gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Heroine (Hêrôin), chất Heroine (Hêrôin) nằm trong danh mục I, số thứ tự (STT) 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ, khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,0705 gam.

Tại bản cáo trạng số: 26/KSĐT-HS ngày 06/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố Trương Văn S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng quy định có lợi cho bị cáo tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Văn S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, thì được áp

dụng các quy định về hình phạt nhẹ hơn và các quy định có lợi cho người phạm tội do Bộ luật hình sự năm 2015 quy định đối với người phạm tội, trong đó có tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Trương Văn S mức án từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/6/2017.

Đối với Nguyễn Văn T, Trần Văn H là các đối tượng có sử dụng ma túy với cùng với bị cáo S nhưng không có vai trò đồng phạm với S nên Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk không khởi tố, xử lý là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy là Hêrôin còn lại sau giám định là 0,0705 gam.

Bị cáo S không có ý kiến tranh luận gì đối với phần luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Bị cáo Trương Văn S là người nghiện ma túy, vào sáng ngày ngày 26 tháng 6 năm 2017, S đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 0,1038 gam.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn S phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 và điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

...

p) Tái phạm nguy hiểm.

...

Để thực hiện các quy định tại các điểm đ, h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì được áp dụng các quy định về hình phạt nhẹ hơn và các quy định có lợi cho người phạm tội do Bộ luật hình sự năm 2015 quy định đối với người phạm tội trong đó có tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Vì vậy, cần vận dụng để xem xét đối với hành vi của bị cáo.

Tại khoản 1 và điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... ”.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

...

o) Tái phạm nguy hiểm.

... ”.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, dược liệu hướng thần nằm trong danh mục quản lý độc quyền của Nhà nước. Nhà nước nghiêm cấm hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn tàng trữ khối lượng 0,1038 chất ma túy là Hêrôin. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, hành vi phạm tội cũng là nguyên nhân dẫn đến những loại tội phạm khác nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình nên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đối với bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ cần chấp nhận.

Bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp *tái phạm nguy hiểm* được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt thấp hơn theo hướng có lợi cho bị cáo nhưng cần đưa ra mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong xã hội, góp phần vào việc phòng chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Đối với Nguyễn Văn T, Trần Văn H là các đối tượng có sử dụng ma túy cùng với bị cáo nhưng không có vai trò đồng phạm với bị cáo nên Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk không khởi tố xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Cần tịch thu tiêu hủy khối lượng chất ma túy Hêrôin còn lại sau giám định là 0,0705gam là phù hợp (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày

15/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk).

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trương Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn S (tên gọi khác: U) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm đ, h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 26/6/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy khối lượng chất ma túy là Hêrôin còn lại sau giám định là 0,0705 gam (*có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk*).

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Trương Văn S phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- CA huyện Krông Búk;
- THAHS huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu HS – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tín

